



Asset
Management

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI

Tầng 5, tòa nhà số 1C Ngô Quyền, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Tel: (+84) 24 3936 6321 Email: ssiam@ssi.com.vn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF

Tháng 02, 2026





MỤC LỤC

I. CẬP NHẬT VĨ MÔ	3
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF	5
1. Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD	5
2. Quỹ ETF SSIAM VN30	8
3. Quỹ ETF SSIAM VNX50	10

CẬP NHẬT VĨ MÔ – THÁNG 2 2026

Động lực tăng trưởng lan tỏa trong 2 tháng đầu năm

Do thời điểm Tết Nguyên đán thường tạo ra biến động đáng kể so với tháng trước, do đó, chúng tôi gộp dữ liệu hai tháng đầu năm 2026 nhằm đảm bảo đánh giá cùng kỳ mang tính chuẩn hóa hơn. Trong 2 tháng đầu năm 2026, bức tranh vĩ mô vẫn mang tính đan xen nhưng nghiêng về chiều hướng tích cực, với mô hình tăng trưởng hai tốc độ tiếp tục thể hiện rõ. Khu vực sản xuất là động lực chính của quá trình phục hồi khi sản lượng công nghiệp tăng 10.4% svck. Trong khi đó, tiêu dùng nội địa vẫn khá trầm lắng, với tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ 2 tháng đầu năm chỉ tăng 4.5% svck; thấp hơn đáng kể so với mức tăng 6.8% cùng kỳ năm 2025.

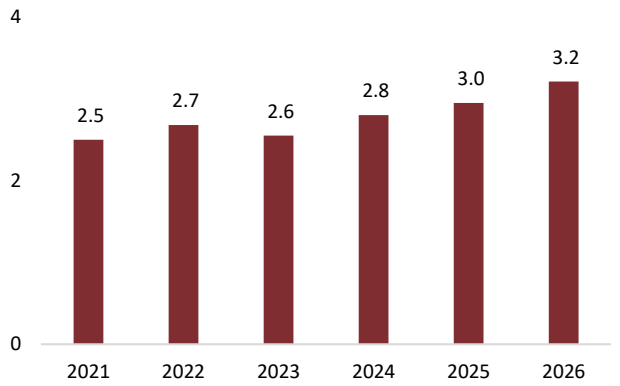
Khu vực sản xuất công nghiệp duy trì đà tăng trưởng tích cực trong giai đoạn 2 tháng đầu năm, với chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 10.4% svck; tăng tốc rõ rệt so với mức 7.5% svck của cùng kỳ 2025. Sản lượng ngành chế biến chế tạo tăng trưởng mạnh trên diện rộng, với tốc độ tăng của các ngành dao động từ 8.0% (điện tử) đến 33.1% (khoáng sản phi kim). Công nghiệp nặng tiếp tục là động lực chính; các ngành hàng tiêu dùng, ô tô và các lĩnh vực xuất khẩu truyền thống như dệt may, gỗ và thực phẩm cũng ghi nhận mức tăng hai chữ số. Xuất khẩu tăng 18.3%; trong khi nhập khẩu tăng mạnh 26.3%, khiến cán cân thương mại thâm hụt 2.98 tỷ USD. Tuy nhiên, 94.1% kim ngạch nhập khẩu là nguyên vật liệu phục vụ sản xuất; qua đó phát đi tín hiệu tích cực cho triển vọng sản xuất công nghiệp trong thời gian tới. Chỉ số PMI tăng lên 54.3 trong tháng 2; so với 52.5 của tháng 1, đồng thời đạt mức cao nhất trong 4 tháng; cho thấy sức khỏe của khu vực sản xuất cải thiện rõ rệt theo tháng và đánh dấu tháng thứ 8 liên tiếp điều kiện kinh doanh được cải thiện.

Về đầu tư, các chỉ báo tiếp tục cho thấy xu hướng tích cực. Thu ngân sách nhà nước tăng mạnh (+13.1% svck); qua đó tạo nền tảng cho động lực đầu tư trong 2 tháng đầu năm. Giải ngân đầu tư công tăng 24% svck; đạt 55.7 nghìn tỷ đồng, trong khi FDI giải ngân đạt 3.21 tỷ USD (+8.8% svck), mức cao nhất trong 5 năm đối với giai đoạn 2 tháng đầu năm. Nhìn chung, các yếu tố này tạo dư địa đáng kể cho cơ quan điều hành thúc đẩy tăng trưởng mà không làm gia tăng rủi ro đối với ổn định kinh tế vĩ mô.

Chỉ số IP (% svck)



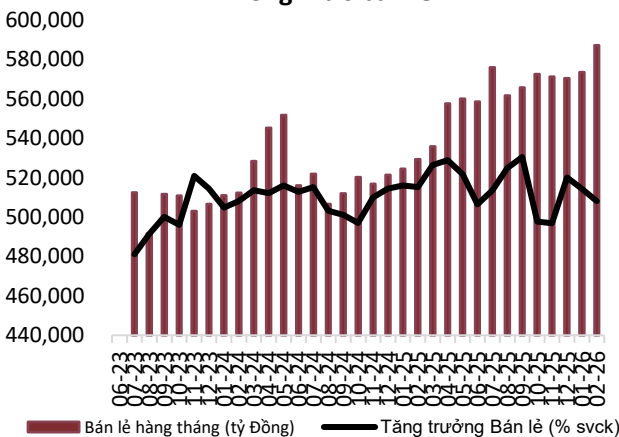
FDI giải ngân trong tháng 2 (tỷ USD)



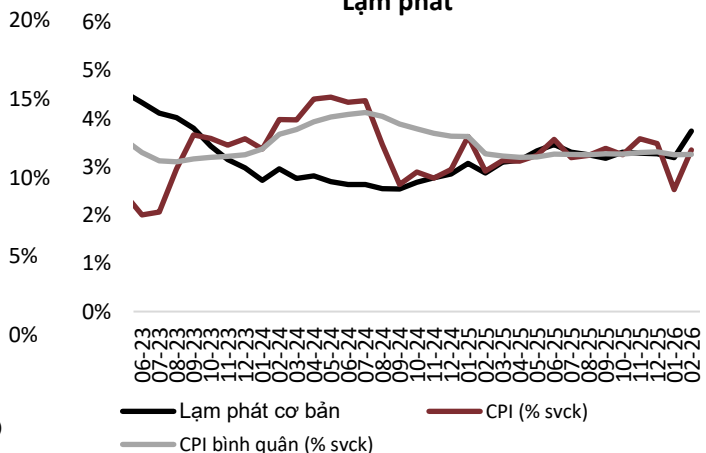
Dù hoạt động thương mại và dịch vụ trở nên sôi động trong kỳ nghỉ Tết, động lực **tiêu dùng nội địa thực chất vẫn khá khiêm tốn** trong hai tháng đầu năm 2026. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng danh nghĩa tăng 7.9% svck; riêng tháng 2 tăng 8.5%, tuy nhiên sau khi loại trừ yếu tố lạm phát, tăng trưởng thực chỉ đạt 4.5%; thấp hơn đáng kể so với mức 6.8% cùng kỳ năm 2025. Các điểm sáng trong tiêu dùng chủ yếu đến từ lĩnh vực du lịch thay vì tiêu dùng hàng hóa trong nước. Doanh thu lưu trú và ăn uống tăng 9.1%; trong khi doanh thu du lịch lữ hành tăng 12.2%, được hỗ trợ mạnh bởi lượng khách quốc tế tăng 18.1% svck; đạt 4.7 triệu lượt.

Lạm phát vẫn được kiểm soát tốt, với CPI bình quân 2 tháng đầu năm tăng 2.94% svck; trong khi lạm phát cơ bản tăng 3.47% svck. Riêng tháng 2, CPI tăng 1.14% so với tháng trước; tăng 3.35% svck, chủ yếu phản ánh sự gia tăng nhu cầu mang tính mùa vụ trong dịp Tết Nguyên đán. Tác động này thể hiện rõ nhất ở nhóm thực phẩm và dịch vụ ăn uống (+2.02% so với tháng trước); cùng nhóm văn hóa, giải trí và du lịch (+1.36% so với tháng trước). Môi trường lạm phát ổn định giúp cơ quan điều hành có thêm dư địa để ứng phó với các cú sốc giá năng lượng tiềm tàng trong bối cảnh biến động địa chính trị toàn cầu.

Tổng mức bán lẻ



Lạm phát

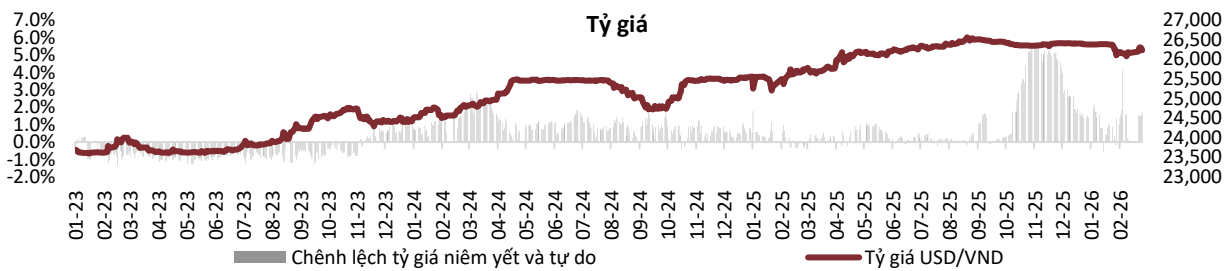


CẬP NHẬT VĨ MÔ – THÁNG 2 2026

VND giảm giá 0.4% so với tháng trước nhưng tăng giá 0.9% từ đầu năm. Tỷ giá USD/VND ghi nhận một nhịp tăng ngắn sau kỳ nghỉ Tết, một phần liên quan đến việc hủy các hợp đồng bán ngoại tệ kỳ hạn mà NHNN đã thực hiện trong giai đoạn 25-26/8/2025. Tuy nhiên, áp lực tỷ giá nhanh chóng hạ nhiệt khi thanh khoản hệ thống dần ổn định trở lại, đồng thời NHNN hút bớt thanh khoản VND thông qua các nghiệp vụ thị trường mở (OMO).

Lãi suất VND trên thị trường liên ngân hàng giảm mạnh sau Tết, với lãi suất qua đêm (ON) giảm về 4.8% vào ngày 27/2; sau khi tăng vọt lên 16.4% trước Tết. Các kỳ hạn ngắn khác cũng giảm đáng kể, củng cố quan điểm rằng đợt tăng mạnh trước Tết chủ yếu mang tính mùa vụ. Khi nhu cầu tiền mặt trong dịp lễ giảm dần và các yếu tố gây căng thẳng thanh khoản tạm thời được giải tỏa, điều kiện vốn nhanh chóng quay trở lại vùng cân bằng khoảng 4-6% đối với lãi suất ON.

Khi áp lực thanh khoản giảm bớt, NHNN chuyển sang trạng thái hút ròng trong các phiên giao dịch sau kỳ nghỉ lễ, rút ròng 77.7 nghìn tỷ đồng thông qua các nghiệp vụ OMO khi các hợp đồng reverse repo đáo hạn, đồng thời tiếp tục không phát hành tín phiếu NHNN. Dư nợ OMO giảm xuống còn 404.7 nghìn tỷ đồng vào cuối tháng, từ mức đỉnh 489 nghìn tỷ đồng vào đầu tháng 2, dù thanh khoản tính từ đầu tháng vẫn ở trạng thái bơm ròng 80.9 nghìn tỷ đồng. Các hợp đồng reverse repo được chào với lãi suất 4.5% với kỳ hạn từ 7 đến 56 ngày. Điều này cho thấy cách tiếp cận điều hành thanh khoản linh hoạt của NHNN, khi từng bước điều chỉnh từ trạng thái hỗ trợ mạnh trước Tết sang bình thường hóa khi điều kiện hệ thống ổn định hơn.



VNIndex tiếp tục ghi nhận tháng tăng điểm thứ tư liên tiếp, tăng 2.8% trong tháng 2, đóng cửa tại 1,880.3 điểm. Thị trường phục hồi khá tích cực sau kỳ nghỉ Tết, với dòng tiền lan tỏa sang nhiều nhóm ngành như năng lượng, tiện ích, bất động sản, vật liệu, chứng khoán và khu công nghiệp. Giá trị giao dịch bình quân ngày (GTGDBQ) giảm 16.7% trên sàn HOSE còn 1.1 tỷ USD, và giảm 17.6% trên cả ba sàn còn 1.2 tỷ USD. Tuy nhiên, tính từ đầu năm, thanh khoản thị trường vẫn duy trì ở mức rất cao; với GTGDBQ 2 tháng đầu năm 2026 trên ba sàn tăng 2.3 lần svck. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng 301.6 triệu USD trong tháng 2. Các cổ phiếu bị bán ròng mạnh nhất gồm FPT (318 triệu USD), VCB (112 triệu USD), VNM (78 triệu USD), trong khi được mua ròng nhiều nhất gồm HPG (178 triệu USD), MBB (111 triệu USD), BSR (42 triệu USD).

Xét theo ngành, Năng lượng tiếp tục dẫn dắt thị trường (+22.3%), nhờ câu chuyện liên quan đến khối doanh nghiệp nhà nước; tiếp theo là Bất động sản (+12.5%) và Vật liệu (+5.7%). Ở chiều ngược lại, ngành Công nghệ (-10%) chịu áp lực từ những lo ngại về khả năng thay thế lao động do AI; trong khi Hàng tiêu dùng thiết yếu (-5.7%) và Tiện ích (-3.8%) là các nhóm có diễn biến kém tích cực nhất.

P/E dự phóng của VN-Index hiện ở mức 14.2 lần, tương đương mức trung bình 5 năm. Xung đột Mỹ – Israel - Iran đã kích hoạt tâm lý giảm khẩu vị rủi ro trên thị trường toàn cầu, gây áp lực lên nhiều thị trường cổ phiếu, thị trường Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Trong trường hợp xung đột kéo dài, rủi ro giá dầu cao hơn gây ra lạm phát và tăng trưởng kinh tế chậm lại. Tuy nhiên, triển vọng tăng trưởng GDP tích cực của Việt Nam cùng kỳ vọng nâng hạng FTSE vào tháng 9/2026 được kỳ vọng sẽ tiếp tục đóng vai trò là các động lực trung hạn quan trọng cho thị trường chứng khoán.

TÍNH ĐẾN 27/02/2026	1 THÁNG	3 THÁNG	1 NĂM	2025	TỶ TRỌNG VN-INDEX	P/E 12 tháng	P/B	ROE	BETA
Dịch vụ truyền thông	2.8%	-5.3%	-0.1%	-16.3%	0.1%	10.4	1.1	11.7	0.6
Hàng tiêu dùng KTY	-3.7%	14.9%	0.4%	13.3%	4.6%	14.4	3.1	21.1	1.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	-5.7%	2.1%	-4.9%	3.1%	7.3%	18.5	3.4	19.6	0.7
Năng lượng	22.3%	43.7%	73.3%	7.9%	3.0%	26.6	2.3	9.2	1.0
Tài chính	-0.4%	8.6%	8.5%	21.4%	38.9%	10.8	1.7	17.2	1.0
Chăm sóc sức khỏe	-0.3%	5.0%	3.5%	1.1%	0.5%	20.5	2.3	12.1	0.6
Công nghiệp	3.8%	-7.7%	-2.5%	36.3%	7.4%	15.7	2.1	12.3	0.9
Công nghệ thông tin	-10.0%	1.4%	-1.2%	-26.4%	2.0%	17.2	4.0	25.5	0.8
Nguyên vật liệu	5.7%	7.1%	20.4%	-0.5%	6.5%	17.1	1.8	11.5	1.0
Bất động sản	12.5%	20.5%	-3.2%	230.3%	24.8%	27.6	3.2	12.2	1.2
Tiện ích	-3.8%	49.1%	31.7%	6.7%	4.7%	16.7	2.4	15.4	0.7
VN-Index	2.8%	11.2%	5.4%	44.4%	100%	16.9	2.3	14.6	1.0
VN30	1.6%	7.2%	1.5%	50.9%		15.8	2.4	16.2	

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF

1. QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD

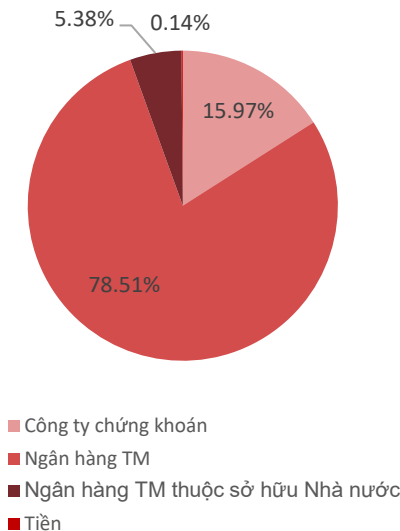
THÔNG TIN QUỸ TẠI NGÀY 28/02/2026

TÊN QUỸ	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD
MÃ QUỸ	FUESSVFL
LOẠI HÌNH	Quỹ hoán đổi danh mục
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VNFIN LEAD Index
NGÀY THÀNH LẬP	24/02/2020
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)
QUY MÔ QUỸ	588.03 Tỷ VND (~22.46 triệu USD)
ĐẠI LÝ CHUYỂN NHƯỢNG	Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VSDC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM)
GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ	0.65%
TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH	18,600,000
THÀNH VIÊN LẬP QUỸ	SSI, MAS, BSC, VIETCAP, BVSC, HSC, KIS
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ	Vietcombank – Hội sở

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	23
HỆ SỐ P/E	9.64x
HỆ SỐ P/B	1.56x

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH



MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNFIN LEAD trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VNFIN LEAD. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với Chỉ số VNFIN LEAD hoặc đưa ra các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU – VNFIN LEAD INDEX

Chỉ số VNFIN LEAD là chỉ số bao gồm tối thiểu 10 cổ phiếu, được lựa chọn từ các cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số ngành tài chính. VNAIShare Financials index (viết tắt VNFIN) đạt tiêu chí lựa chọn với giới hạn tỷ trọng 15% đối với cổ phiếu đơn lẻ, có giá trị giao dịch tối thiểu 10 tỷ đồng và tỷ suất quay vòng tối thiểu 0,1%.

Chỉ số VNFIN LEAD đại diện cho trên 30% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ số được xem xét điều chỉnh theo khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng định kỳ 3 tháng/lần và các cổ phiếu thành phần 6 tháng/lần.

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

	NAV/CCQ (đồng)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày thành lập
FUESSVFL	31,614.86	1.70%	6.69%	3.57%	216.15%
VNFIN LEAD Index	3,095.91	1.85%	7.52%	4.19%	215.39%

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.



1. QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD (tiếp theo)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ

Chỉ số VNFIN LEAD tăng 1.85% trong tháng Hai, tương ứng quỹ FUESSVFL cũng ghi nhận mức tăng 1.70%. Tính từ đầu năm 2026, chỉ số VNFIN LEAD tăng 4.19% trong khi hiệu quả hoạt động của quỹ FUESSVFL ghi nhận mức tăng 3.57%.

VN-Index tăng 2.80% trong tháng Hai. VN-Index mở đầu tháng Hai với tuần giảm điểm về dưới mốc 1,800 điểm, trước khi tăng trở lại và tiệm cận mốc 1,900 điểm vào cuối tháng. VN-Index tiếp tục ghi nhận mức đóng cửa tháng cao nhất trong lịch sử của chỉ số tại 1,880.33 điểm. Như vậy, tính từ đầu năm 2026, VN-Index ghi nhận mức tăng 5.37%. Trong tháng Hai, những yếu tố tích cực đã giúp chỉ số duy trì xu hướng tăng giá trước đó bao gồm:

- (1) Các chỉ báo vĩ mô duy trì đà tăng trưởng tích cực, lạm phát được kiểm soát tốt;
- (2) Thanh khoản hệ thống ngân hàng ổn định trở lại sau Tết với lãi suất qua đêm (ON) trở lại trạng thái bình thường;
- (3) Dòng tiền tiếp tục lan tỏa sang nhiều nhóm ngành được kỳ vọng hưởng lợi khi các chính sách đi vào thực thi;

Ngành Năng lượng, BĐS và Nguyên vật liệu dẫn dắt xu hướng tăng điểm của thị trường trong tháng Hai: Ngành Năng lượng (+22.3%), BĐS (+12.5%) và Nguyên vật liệu (+5.7%), chiếm hơn 34% tỷ trọng vốn hóa của VN-Index, tiếp tục tạo sự lan tỏa lên toàn thị trường. Trong khi đó, ngành CNTT (-10%), Hàng tiêu dùng thiết yếu (-5.7%) và Tiện ích (-3.8%), chiếm khoảng 14% tỷ trọng vốn hóa của VN-Index, phần nào hạn chế đà tăng của chỉ số.

Thanh khoản thị trường giảm mạnh so với tháng liền trước: Giá trị giao dịch trung bình ngày (GTGD/BN) trên sàn HSX đạt 1.1 tỷ USD/ngày, giảm 17% so với tháng Một. Nguyên nhân của việc thanh khoản toàn thị trường giảm mạnh tới từ kỳ nghỉ Tết dài trong tháng Hai. Chúng tôi kỳ vọng thanh khoản toàn thị trường sẽ tăng trở lại trong những tháng tiếp theo.

Khối ngoại tiếp tục duy trì đà bán ròng với quy mô hơn 300 triệu USD: tập trung tại các mã như FPT, VCB và VNM. Trong khi đó, NĐTNN mua ròng ở các mã như HPG, MBB và BSR.

1. QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD (tiếp theo)

DANH MỤC ĐẦU TƯ QUỸ (%NAV)

STT	Mã	Tên công ty	Tỷ trọng (%)	Vốn hóa (triệu VND)	FOL	ROE (%)	ROA (%)	YTD 2025 (%)	P/E	P/B	CTR YTD
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	4.87	126,104,920	3%	17.56	1.65	2.29%	7.92	1.31	0.13
2	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0.34	336,323,236	13%	19.47	0.98	23.14%	10.96	1.95	0.09
3	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	2.46	297,085,632	5%	21.22	1.34	6.99%	8.43	1.63	0.18
4	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	1.72	43,587,662	26%	4.45	0.44	9.86%	37.93	1.66	0.15
5	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	0.69	26,188,949	15%	9.43	3.03	10.13%	20.42	1.77	0.07
6	HDB	Ngân hàng Phát triển TP HCM	8.12	139,897,475	4%	25.38	2.03	-5.89%	7.70	1.81	-0.48
7	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	2.07	128,602,494	4%	25.23	2.05	2.99%	11.05	2.67	0.06
8	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	11.08	229,567,497	0%	21.57	1.95	12.65%	8.42	1.66	1.32
9	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	0.81	38,064,000	1%	14.20	1.55	-1.61%	6.63	0.88	-0.01
10	NAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á	0.11	24,019,635	29%	19.58	1.26	-2.10%	5.72	1.02	0.00
11	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	0.08	31,024,559	2%	12.28	1.34	-2.51%	7.57	0.90	0.00
12	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	8.67	73,269,576	27%	19.05	1.46	-2.45%	6.01	1.06	-0.18
13	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	0.25	48,080,500	5%	14.18	1.53	-3.15%	8.82	1.17	-0.01
14	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	8.11	80,711,567	67%	14.01	4.90	7.11%	17.07	2.11	0.52
15	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	9.08	123,481,629	15%	10.34	0.71	12.93%	21.74	2.16	1.13
16	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	14.40	256,876,215	0%	16.03	2.33	3.87%	9.90	1.48	0.62
17	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	1.21	51,042,462	5%	18.48	1.60	7.60%	6.86	1.20	0.09
18	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2.58	542,283,314	9%	16.61	1.55	12.87%	15.03	2.33	0.37
19	VCI	CTCP Chứng khoán Bản Việt	1.27	27,820,100	97%	8.67	4.29	10.67%	21.11	1.58	0.13
20	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.14	58,889,299	0%	16.41	1.39	-2.54%	7.96	1.24	-0.03
21	VIX	CTCP Chứng khoán VIX	4.51	34,457,172	92%	28.85	20.12	0.00%	6.23	1.57	-0.02
22	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	1.41	28,467,008	89%	9.96	4.22	-3.86%	13.85	1.34	-0.06
23	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	14.96	229,687,088	5%	15.49	2.20	1.05%	9.44	1.35	0.20

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF

2. QUỸ ETF SSIAM VN30

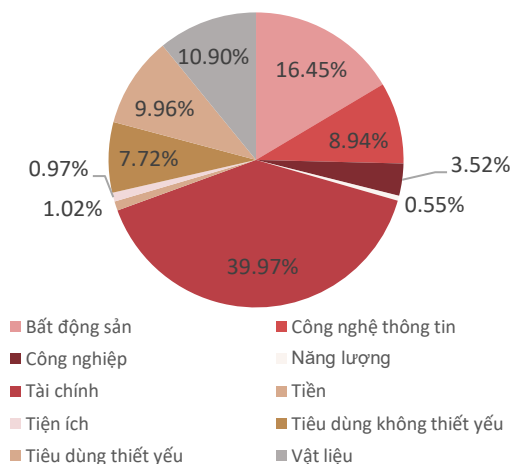
THÔNG TIN QUỸ TẠI NGÀY 28/02/2026

TÊN QUỸ	QUỸ ETF SSIAM VN30
MÃ QUỸ	FUESSV30
LOẠI HÌNH	Quỹ hoán đổi danh mục
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VN30 Index
NGÀY THÀNH LẬP	22/06/2020
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)
QUY MÔ QUỸ	238.25 tỷ VND (~9.21 triệu USD)
ĐẠI LÝ CHUYỂN NHƯỢNG	Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VDSC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công Ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)
PHÍ QUẢN LÝ	0.55%
TỔNG SỐ LƯỢNG CQ LƯU HÀNH	9,300,000
THÀNH VIÊN LẬP QUỸ	SSI, MAS, BSC, VIETCAP, BVSC, KIS
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ	Vietcombank – Hội sở

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	30
HỆ SỐ P/E	14.03x
HỆ SỐ P/B	2.33x

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH



MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ ETF SSIAM VN30 hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN30 trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VN30. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với chỉ số VN30 hoặc đưa các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU – VN30 INDEX

Chỉ số VN30 là chỉ số bao gồm các cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh có giá trị vốn hóa và thanh khoản cao nhất thị trường. Chỉ số VN30 có giới hạn trọng lượng 10% đối với cổ phiếu riêng lẻ và 15% đối với nhóm cổ phiếu liên quan.

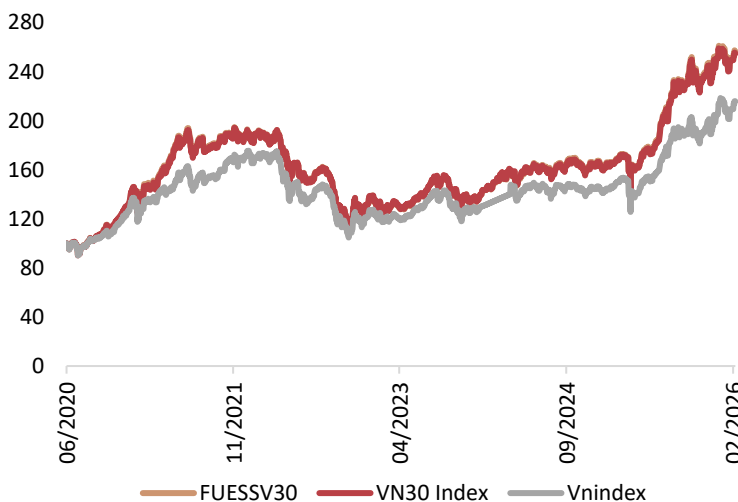
Chỉ số VN30 đại diện cho trên 60% vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ số được xem xét điều chỉnh theo khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng định kỳ 3 tháng/lần và các cổ phiếu thành phần 6 tháng/lần.

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

	NAV/CQ (đồng)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày thành lập (22/06/2020)
FUESSV30	25,618.46	1.49%	7.02%	1.33%	156.18%
VN30 Index	2,061.75	1.57%	7.16%	1.53%	154.55%

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.



2. QUỸ ETF SSIAM VN30 (tiếp theo)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ - PM update

Chỉ số VN30 tăng 1.57% trong tháng Hai, tương ứng quỹ FUESSV30 cũng ghi nhận mức tăng 1.49%. Tính từ đầu năm 2026, chỉ số VN30 tăng 1.53% trong khi hiệu quả hoạt động của quỹ FUESSV30 ghi nhận mức tăng 1.33%.

VN-Index tăng 2.80% trong tháng Hai. VN-Index mở đầu tháng Hai với tuần giảm điểm về dưới mốc 1,800 điểm, trước khi tăng trở lại và tiệm cận mốc 1,900 điểm vào cuối tháng. VN-Index tiếp tục ghi nhận mức đóng cửa tháng cao nhất trong lịch sử của chỉ số tại 1,880.33 điểm. Như vậy, tính từ đầu năm 2026, VN-Index ghi nhận mức tăng 5.37%. Trong tháng Hai, những yếu tố tích cực đã giúp chỉ số duy trì xu hướng tăng giá trước đó bao gồm:

- (1) Các chỉ báo vĩ mô duy trì đà tăng trưởng tích cực, lạm phát được kiểm soát tốt;
- (2) Thanh khoản hệ thống ngân hàng ổn định trở lại sau Tết với lãi suất qua đêm (ON) trở lại trạng thái bình thường;
- (3) Dòng tiền tiếp tục lan tỏa sang nhiều nhóm ngành được kỳ vọng hưởng lợi khi các chính sách đi vào thực thi;

Ngành Năng lượng, BĐS và Nguyên vật liệu dẫn dắt xu hướng tăng điểm của thị trường trong tháng Hai: Ngành Năng lượng (+22.3%), BĐS (+12.5%) và Nguyên vật liệu (+5.7%), chiếm hơn 34% tỷ trọng vốn hóa của VN-Index, tiếp tục tạo sự lan tỏa lên toàn thị trường. Trong khi đó, ngành CNTT (-10%), Hàng tiêu dùng thiết yếu (-5.7%) và Tiện ích (-3.8%), chiếm khoảng 14% tỷ trọng vốn hóa của VN-Index, phần nào hạn chế đà tăng của chỉ số.

Thanh khoản thị trường giảm mạnh so với tháng liền trước: Giá trị giao dịch trung bình ngày (GTGDTCN) trên sàn HSX đạt 1.1 tỷ USD/ngày, giảm 17% so với tháng Một. Nguyên nhân của việc thanh khoản toàn thị trường giảm mạnh tới từ kỳ nghỉ Tết dài trong tháng Hai. Chúng tôi kỳ vọng thanh khoản toàn thị trường sẽ tăng trở lại trong những tháng tiếp theo.

Khối ngoại tiếp tục duy trì đà bán ròng với quy mô hơn 300 triệu USD: tập trung tại các mã như FPT, VCB và VNM. Trong khi đó, NĐTNN mua ròng ở các mã như HPG, MBB và BSR.

DANH MỤC ĐẦU TƯ QUỸ (%NAV)

STT	CỔ PHIẾU	TÊN CÔNG TY	% NAV	STT	CỔ PHIẾU	TÊN CÔNG TY	% NAV
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	3.66	16	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1.88
2	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0.46	17	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	0.82
3	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	1.52	18	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	1.93
4	DGC	CTCP Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	1.26	19	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	4.00
5	FPT	Công ty Cổ phần FPT	8.95	20	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	4.82
6	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam	0.98	21	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	0.96
7	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Sài Gòn	0.48	22	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2.03
8	HDB	Ngân hàng Phát triển TPHCM	3.82	23	VHM	CTCP Vinhomes	3.78
9	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	9.17	24	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.31
10	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	4.17	25	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	10.71
11	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	3.92	26	VJC	CTCP Hàng không VietJet	3.53
12	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	5.16	27	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	4.30
13	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	7.73	28	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	4.70
14	PLX	Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	0.55	29	VPL	CTCP Vinpearl	0.63
15	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	0.51	30	VRE	CTCP Vincom Retail	1.99

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF

3. QUỸ ETF SSIAM VNX50

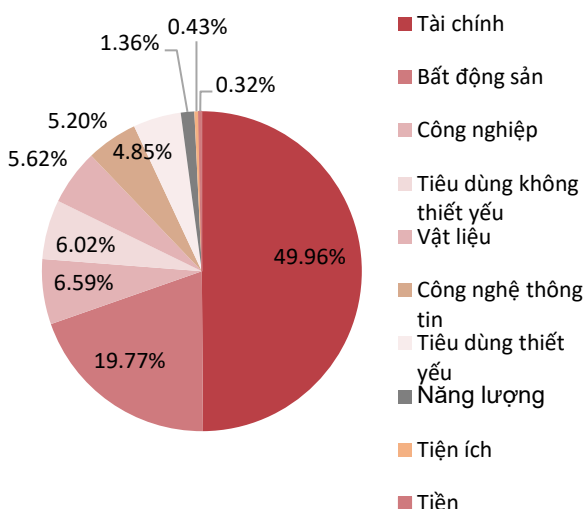
THÔNG TIN QUỸ TẠI NGÀY 28/02/2026

TÊN QUỸ	Quỹ ETF SSIAM VNX50
MÃ QUỸ	FUESSV50
LOẠI HÌNH	Quỹ hoán đổi danh mục
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VNX50 Index
NGÀY THÀNH LẬP	10/12/2014
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP, Hồ Chí Minh (HSX)
QUY MÔ QUỸ	156,35 tỷ VND (~5.96 triệu USD)
ĐẠI LÝ CHUYỂN NHƯỢNG	Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VSDC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM)
GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ	0,65%
TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH	5,200,000
THÀNH VIÊN LẬP QUỸ	SSI, VCBS, BVSC, MAS, VNDS, VIETCAP, KIS
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ	BIDV – Chi nhánh Hà Thành

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	50
HỆ SỐ P/E	13.72x
HỆ SỐ P/B	2.06x

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH



MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ ETF SSIAM VNX50 hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNX50 trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động, Quỹ không chủ động tìm kiếm tăng trưởng cao hơn Chỉ Số Tham Chiếu, cũng như không sử dụng các biện pháp phòng thủ khi thị trường chứng khoán biến động bất lợi.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU VNX50 – VNX50 INDEX

Chỉ số VNX50 là chỉ số giá bao gồm 50 mã cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX) và Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HSX). Chỉ số VNX50 bao gồm 50 công ty có giá trị vốn hóa, tính thanh khoản và tỷ lệ tự do chuyển nhượng hàng đầu trong rổ cổ phiếu VNX Allshare. Tỷ lệ vốn hóa tối đa áp dụng cho mỗi cổ phiếu trong Chỉ Số VNX50 là 10%. Ngày cơ sở của của chỉ số VNX50 là 21/07/2017 với điểm cơ sở là giá trị chỉ số đóng cửa của VNX Allshare ngày 21/07/2017.

Chỉ số VNX50 được xem xét điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần.

Chỉ số VNX50 đại diện cho trên 60% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

	NAV/CCQ (đồng)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày chuyển đổi chỉ số (24/10/2017)
FUESSV50	30,066.43	2.88%	6.68%	1.30%	181.14%
VNX50 INDEX*	3,397.19	2.99%	6.96%	1.54%	173.44%

(* Từ 17/11/2014 đến 22/8/2017, Chỉ số tham chiếu là chỉ số HNX30. Sau 22/8/2017, chỉ số tham chiếu là chỉ số VNX50. Tại ngày 24/10/2017, chứng chỉ quỹ ETF SSIAM VNX50 được niêm yết đầu tiên trên sàn HOSE.

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó, giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.



3. QUỸ ETF SSIAM VNX50 (tiếp theo)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ

Chỉ số VNX50 tăng 2.99% trong tháng Hai, tương ứng quỹ FUESSV50 cũng ghi nhận mức tăng 2.88%. Tính từ đầu năm 2026, chỉ số VN50 tăng 1.54% trong khi hiệu quả hoạt động của quỹ FUESSV50 ghi nhận mức tăng 1.30%.

VN-Index tăng 2.80% trong tháng Hai. VN-Index mở đầu tháng Hai với tuần giảm điểm về dưới mốc 1,800 điểm, trước khi tăng trở lại và tiệm cận mốc 1,900 điểm vào cuối tháng. VN-Index tiếp tục ghi nhận mức đóng cửa tháng cao nhất trong lịch sử của chỉ số tại 1,880.33 điểm. Như vậy, tính từ đầu năm 2026, VN-Index ghi nhận mức tăng 5.37%. Trong tháng Hai, những yếu tố tích cực đã giúp chỉ số duy trì xu hướng tăng giá trước đó bao gồm:

- (1) Các chỉ báo vĩ mô duy trì đà tăng trưởng tích cực, lạm phát được kiểm soát tốt;
- (2) Thanh khoản hệ thống ngân hàng ổn định trở lại sau Tết với lãi suất qua đêm (ON) trở lại trạng thái bình thường;
- (3) Dòng tiền tiếp tục lan tỏa sang nhiều nhóm ngành được kỳ vọng hưởng lợi khi các chính sách đi vào thực thi;

Ngành Năng lượng, BĐS và Nguyên vật liệu dẫn dắt xu hướng tăng điểm của thị trường trong tháng Hai: Ngành Năng lượng (+22.3%), BĐS (+12.5%) và Nguyên vật liệu (+5.7%), chiếm hơn 34% tỷ trọng vốn hóa của VN-Index, tiếp tục tạo sự lan tỏa lên toàn thị trường. Trong khi đó, ngành CNTT (-10%), Hàng tiêu dùng thiết yếu (-5.7%) và Tiện ích (-3.8%), chiếm khoảng 14% tỷ trọng vốn hóa của VN-Index, phần nào hạn chế đà tăng của chỉ số.

Thanh khoản thị trường giảm mạnh so với tháng liền trước: Giá trị giao dịch trung bình ngày (GTGDTBN) trên sàn HSX đạt 1.1 tỷ USD/ngày, giảm 17% so với tháng Một. Nguyên nhân của việc thanh khoản toàn thị trường giảm mạnh tới từ kỳ nghỉ Tết dài trong tháng Hai. Chúng tôi kỳ vọng thanh khoản toàn thị trường sẽ tăng trở lại trong những tháng tiếp theo.

Khối ngoại tiếp tục duy trì đà bán ròng với quy mô hơn 300 triệu USD: tập trung tại các mã như FPT, VCB và VNM. Trong khi đó, NĐTNN mua ròng ở các mã như HPG, MBB và BSR.

3. QUỸ ETF SSIAM VNX50 (tiếp theo)

DANH MỤC ĐẦU TƯ QUỸ (%NAV)

STT	Cổ phiếu	Tên công ty	% NAV	STT	Cổ phiếu	Tên công ty	% NAV
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	4.14	26	NVL	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	0.63
2	BSR	Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	0.48	27	PDR	Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	0.38
3	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	1.72	28	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	1.45
4	DCM	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	0.22	29	POW	Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam	0.43
5	DGC	Công ty Cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	0.65	30	PVD	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	0.41
6	DIG	Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	0.41	31	PVS	TCông ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	0.47
7	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	0.29	32	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	2.12
8	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	1.35	34	SHS	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn Hà Nội	0.62
9	FPT	Công ty Cổ phần FPT	5.20	34	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	2.18
10	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	0.61	35	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	4.53
11	GEX	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	0.93	36	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	5.46
12	GMD	Công ty Cổ phần Gemadep	1.25	37	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	1.09
13	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	0.61	38	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2.31
14	HDB	Ngân hàng Phát triển TPHCM	4.33	39	VCG	TCông ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	0.26
15	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	4.70	40	VCI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	0.89
16	HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	0.27	41	VHM	Công ty Cổ phần Vinhomes	5.14
17	IDC	Tổng công ty IDICO - Công ty Cổ phần	0.43	42	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.48
18	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	0.71	43	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	10.70
19	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	0.77	44	VIX	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	1.33
20	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	4.72	45	VJC	Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	1.81
21	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	4.44	46	VND	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	0.83
22	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	1.10	47	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	2.20
23	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	2.65	48	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	5.33
24	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	3.96	49	VPI	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú	0.36
25	NLG	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	0.42	50	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	1.02

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM). Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của SSIAM. SSIAM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư. Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quỹ có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.

GIẢI THƯỞNG



TẠP CHÍ ALPHA SOUTHEAST ASIA

- “Nền tảng di động và trực tuyến tốt nhất (Công ty Quản Lý Quỹ)” năm 2024
- “Công ty Quản Lý Quỹ và Tài sản tốt nhất Việt Nam” năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024 (5 năm liên tiếp)
- “Công ty Quản Lý Quỹ tốt nhất Việt Nam cho các Danh mục Bảo hiểm và Chương trình Hưu trí Tư nhân” năm 2020, 2021, 2023, 2024 (2 năm liên tiếp)
- “Nhà Quản Lý Quỹ tốt nhất (Quỹ Cân Bằng)” năm 2021

TẠP CHÍ THE ASSET

- “Công ty Quản Lý Quỹ của Năm” năm 2012, 2014, 2021, 2022, 2023
- “Công ty Quản Lý Quỹ nội địa của Năm” năm 2015, 2016, 2017, 2018
- “Nhà Cung cấp ETF của Năm” 2021

TẠP CHÍ ASIANINVESTOR

- “Công ty Quản Lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2010
- “Công ty Quản Lý Quỹ nội địa tốt nhất Việt Nam” năm 2015, 2016, 2017, 2018
- “Hoạt động Phát triển Kinh doanh Tốt Nhất” năm 2022
- “Giải thưởng Thị Trường – Việt Nam” năm 2024

TẠP CHÍ ASIA ASSET MANAGEMENT

- “Công ty Quản Lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2012, 2013, 2016
- “Tổng Giám đốc của Năm” năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2020, 2022
- “Giám đốc Đầu Tư của Năm” năm 2013, 2014, 2015
- “Quỹ mới của Năm” 2020

THÔNG TIN LIÊN HỆ

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)

ÔNG. NGUYỄN NGHĨA TUẤN
Phó Giám đốc phát triển kinh doanh

T: (+84) 24 3936 6321 ext 1633
M: (+84) 94 652 0788
E: tuannn@ssi.com.vn

ÔNG. NGUYỄN TRỌNG HÙNG
Phó Giám đốc đầu tư

T: (+84) 24 3936 6321
E: hungnt@ssi.com.vn